

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:01/MT/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Hộ kinh doanh Võ Thị Minh Triền

Địa chỉ: 109 Ngô Quyền, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 01683.439.877 Fax

E.mail:

Mã số doanh nghiệp: 39L8000079

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 29/2018/ATTP-CNĐK. Ngày cấp/Nơi cấp: 25/6/2018, Nơi cấp: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Gia Lai (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước uống đóng chai L'idole

2. Thành phần: Nước giếng khoan tại địa chỉ 109 Ngô Quyền, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Chai PET (500 ml, 1,5 l) : 06 tháng kể từ ngày sản xuất

Chai PET (20 lít): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên nắp chai

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Chất liệu bao bì

Sản phẩm nước uống đóng chai L'idole được đóng trong chai PET chuyên dùng đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm.

4.2 Quy cách bao gói

Sản phẩm nước uống đóng chai được chiết rót trong các loại bao bì với thể tích thực:

- Chai PET: 500ml; 1,5 lít

- Chai PET: 20 lít

- Sản phẩm được đóng kín nắp đảm bảo giữ chất lượng của sản phẩm trong quá trình vận chuyển, bảo quản. Sản phẩm sau khi được đập nắp được co giấy nhựa trong. Được vận chuyển bằng phương tiện khô, sạch. Khi bốc xếp phải nhẹ nhàng, tránh va đập mạnh.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

.....
III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

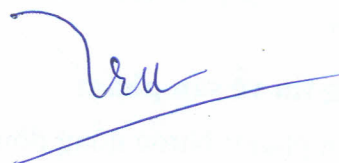
IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 6-1:2010/BYT

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Ayun Pa, .Ngày. 15 .tháng 9 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Võ Thị Minh Triển

Quà Tặng Vô Giá Của Thiên Nhiên

Lidole

NƯỚC UỐNG ĐÔNG CHAI - BOTTLED DRINKING WATER

Sản xuất tại: HKD Võ Thị Minh Triền

ĐC: 109B Ngô Quyền, P. Chèo Reo, TX. Ayunpa, Tỉnh Gia Lai

ĐT-Fax: 059. 3657 947

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG

As ≤ 0,01 mg/l

Cl ≤ 5 mg/l

Mn ≤ 0,4 mg/l

Số tự công bố:

01/MIT/2018

Sản xuất từ nguồn nước ngầm, siêu tinh lọc qua hệ thống thẩm thấu ngược R.O, diệt trùng bằng Ozone và tia cực tím theo công nghệ hiện đại của Mỹ.

Produced from fresh water source, purified by Reverse Osmosis (R.O) system, sterilized by Ozone and U.V on the USA modern technology.

NSX: Xem trên nắp bình

HSD: 12 tháng kể từ NSX

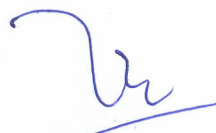
Bảo quản nơi thoáng mát - Tránh ánh nắng trực tiếp

HDSD: Dùng để giải khát, uống trực tiếp

CẢNH BÁO ATVSTP: Không sử dụng sản phẩm khi bao bì hở, có màu, mùi vị lạ khi hết hạn sử dụng.

THẺ HỒN THỰC

Website: hungthinhphat.solar@yahoo.com.vn


Võ Thị Minh Triền



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN

VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu : 79 Trương Định, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Laboratory & Office : 79 Trương Định, Bến Thành ward, district 1, Ho Chi Minh city

Tel : (028) 3827 7986

Fax : (028) 3824 7013

Email : ktclviettin@gmail.com

Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ No: 2447 1806A/KQ

Mã số/ Code: 0958 1805

Mã số mẫu/ Sample code: 3117 1805

Trang/ Page: 1/ 2

(Kết quả này thay thế kết quả số 2477 1806)



VILAS 1074

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : HỘ KINH DOANH VÕ THỊ MINH TRIỂN
Địa chỉ/ Address : 109 Ngô Quyền, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 31/05/2018 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 08/06/2018
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước Số lượng mẫu/ Quantity of sample : 01
Tên mẫu/ Name of sample : Nước uống đóng chai
Tình trạng mẫu/ State of sample : Nước trong, đựng trong chai nhựa



STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 6-1: 2010/BYT
1	Antimon (Sb)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3113 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,02
2	Arsen (As) (*)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3114 C : 2012	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,01
3	Bari (Ba)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3111 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,1)	mg/L	0,7
4	Bor (B) (*)	SMEWW 4500 (B) B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,058)	mg/L	0,5
5	Bromat (BrO ₃ ⁻) (s/c)	ISO 15061 - 2001	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,01
6	Cadimi (Cd) (*)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3113 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,0002)	mg/L	0,003
7	Clor (Cl ₂) (*)	SMEWW 4500 Cl ₂ B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/L	5
8	Clorate (ClO ₃ ⁻) (s/c)	TCVN 6494 - 4 : 2000	Không phát hiện (LOD=0,2)	mg/L	0,7
9	Clorit (ClO ₂ ⁻) (s/c)	TCVN 6494 - 4 : 2000	Không phát hiện (LOD=0,2)	mg/L	0,7
10	Crom (Cr) (*)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3113 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,05
11	Đồng (Cu) (*)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3111 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,03)	mg/L	2
12	Cyanid (CN ⁻) (*)	TCVN 6181 : 1996	Không phát hiện (LOD=0,0034)	mg/L	0,07
13	Fluorid (F ⁻) (*)	SMEWW 4500 (F ⁻) - B,D : 2012	Không phát hiện (LOD=0,08)	mg/L	1,5
14	Chì (Pb) (*)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3113 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,01
15	Mangan (Mn) (*)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3111 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,03)	mg/L	0,4
16	Thủy ngân (Hg) (*)	SMEWW 3112 (Hg) B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,00015)	mg/L	0,006



Số/ No: 2447 1806A/KQ
Mã số/ Code: 0958 1805
Mã số mẫu/ Sample code: 3117 1805
Trang/ Page: 2/ 2
(Kết quả này thay thế kết quả số 2477 1806)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 6-1: 2010/BYT
17	Molybden (Mo)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3113 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,07
18	Nickel (Ni) (*)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3111 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,005)	mg/L	0,07
19	Nitrate (NO ₃ ⁻) (*)	SMEWW 4500 (NO ₃ ⁻) E : 2012	0,50	mg/L	50
20	Nitrite (NO ₂ ⁻) (*)	TCVN 6178 : 1996	Không phát hiện (LOD=0,02)	mg/L	3
21	Selen (Se)	SMEWW 3030 A,E : 2012 SMEWW 3113 B : 2012	Không phát hiện (LOD=0,002)	mg/L	0,01
22	Coliforms (*)	ISO 9308 – 1:2014/ Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/250mL	0
23	E. coli (*)	ISO 9308 – 1:2014/ Amd 1:2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/250mL	0
24	Streptococci faecal (*)	TCVN 6189 – 2 : 2009 ISO 7899 – 2 : 2000	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/250mL	0
25	Pseudomonas aeruginosa (*)	TCVN 8881 : 2011 ISO 16266 : 2006	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/250mL	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sulfit (*)	TCVN 6191 – 2 : 1996 ISO 6461 – 2 : 1986	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/50mL	0
27	Hoạt độ phóng xạ α ^(s/c)	TCCS – NN – 11 – 2017	Không phát hiện (LOQ= 0,02)	Bq/L	0,5
28	Hoạt độ phóng xạ β ^(s/c)	TCCS – NN – 12 – 2014	Không phát hiện (LOQ= 0,03)	Bq/L	1

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time- limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
LOQ: Giới hạn định lượng / LOQ: Limit of quantification.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2005/ Items was accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
(Δ) : Chỉ tiêu được chứng nhận của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vimcerts). /
Items are certified by Ministry of Natural Resources and Environment (Vimcerts).
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm